

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Bà Huỳnh Anh Thư.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 335/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-11-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hà D, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ A, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 7 năm 2023, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày:

Bà Lê Thị Mỹ T và Nguyễn Hà D tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 01-6-2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không ai quan tâm đến nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, không tự giải quyết được với nhau nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Khi biết bà T nộp đơn lên Toà án yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông D cũng không quan tâm, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 21/01/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của ông Nguyễn Hà D có trình bày:

Ông D và bà T sau thời gian tìm hiểu, yêu thương thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 01-6-2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Đồng ý giao con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 21/01/2011 cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Mỹ T và Nguyễn Hà D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 01-6-2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2010 nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Mỹ T và Nguyễn Hà D thống nhất trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không ai quan tâm đến nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân. Bà T và ông D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Tiên và ông Duy không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông D.

Về con chung: Theo bản sao giấy khai sinh số 75/TLKS-BS ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì bà T và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 21/01/2011.

Quá trình hai vợ chồng sống chung cho đến khi ly thân thì bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Con chung có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Bà T có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và ông D cũng đồng ý với yêu cầu này. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu, cần thiết giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông D. Giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Hà D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Hà D.
- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 21/01/2011 cho bà Lê Thị Mỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Mỹ T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Hà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008080 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- UBND phường T, thành phố T;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan